

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 141/2020/TLST-HNGĐ ngày 3 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” giữa:

**Nguyên đơn:** Anh Đỗ Trung K, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 46 T1, phường T2, quận L, thành phố Hải Phòng

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1981;

Nơi ĐKKHKT: Số 46 T1, phường T2, quận L, thành phố Hải Phòng;

Tạm trú: Khu 6, phường Q, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 9 tháng 6 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 9 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Trung K và chị Nguyễn Thị Thu N.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**2.1.** Về con chung: Anh Đỗ Trung K trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Hồng Q, sinh ngày 5/5/2008 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Nguyễn Thị

Thu N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đỗ Duy M, sinh ngày 8/5/2012 đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đỗ Trung K và chị Nguyễn Thị Thu N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, công nợ: Anh Đỗ Trung K và chị Nguyễn Thị Thu N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đỗ Trung K tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp, trả lại cho anh Đỗ Trung K 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001844 ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TX Q;
- Chi cục THADS TX Q;
- UBND phường T2;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(*Đã ký*)

**Vũ Công Mười**